TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS- ST
Ngày: 14 -11- 2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Tạ và bà Hoàng Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Nguyên, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2019/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số A H, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T – Giám đốc Chi nhánh huyện Đ – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số B đường N, Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Bà Lê Thị X và ông Phạm Mạnh H – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-4-2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Năm 1998 và năm 2000 bà Lê Thị X cùng ông Phạm Mạnh H vay vốn tại Ngân hàng N (Chi nhánh huyện Đ), cụ thể như sau:

Khế ước vay tiền số D98/98/KU ngày 15 tháng 5 năm 1998 vay số tiền 20.000.000 đồng; mục đích vay để đầu tư chăm sóc cây cà phê; hạn trả vào ngày 20-3-2002.

Hợp đồng tín dụng số N1999/2000 ngày 24 tháng 3 năm 2000 vay số tiền 25.000.000 đồng; mục đích vay để đầu tư chăm sóc cây cà phê; hạn trả vào ngày 31-7-2004.

Khi vay tiền, bà X, ông H có thế chấp 01 quyền sử dụng đất, diện tích 24.000m^2, đất tọa lạc tại Khối Đ, xã K, huyện Đ (cũ); quyền sử dụng đất theo Giấy xác nhận quyền sử dụng đất số 80/GXN-QSDĐ ngày 17-01-1997 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, đứng tên bà Lê Thị X theo Tờ khai thế chấp tài sản vay vốn ngày 09-5-1998 và Giấy ủy quyền xử lý tài sản thế chấp ngày 04-5-1998.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ Ngân hàng, từ năm 2001 cho đến nay bà X, ông H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng như đã cam kết và đã bỏ đi khỏi địa phương, không biết đi đâu, làm gì.

Như vậy, bà X, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà X, ông H trả nợ theo các Hợp đồng vay vốn đã ký, trả cho Ngân hàng nợ gốc 45.000.000 đồng và lãi suất theo hợp tín dụng các bên đã ký kết cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp bà X, ông H không trả nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn không có mặt để làm việc. Trước khi thụ lý vụ án này, ngày 30-5-2018 Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp đã ban hành Quyết định số 08/2018/QĐDS-ST V/v "*Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú*" đối với bà Lê Thị X, ông Phạm Mạnh H. Hiện tại, bà X, ông H vẫn không có mặt tại nơi cư trú. Vì vậy không có trình bày của bị đơn và không hòa giải được.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho bên có quyền, Tòa án đã thực hiện niêm yết theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt bà Lê Thị X, ông Phạm Mạnh H; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, buộc bà Lê Thị X, ông Phạm Mạnh H phải trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết; trường hợp không trả nợ, Ngân hàng Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Sau khi triệu tập nhiều lần, bà Lê Thị X, ông Phạm Mạnh H, là bị đơn không có mặt làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả cho thấy bà X, ông H có đăng ký thường trú tại Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông nhưng bỏ đi khỏi địa phương. Chính quyền địa phương không được thông báo và không biết bà X, ông H đi đâu. Bà X, ông H cũng không thông báo cho Ngân hàng N, là bên có quyền biết địa chỉ nơi cư trú mới. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bà X, ông H theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và xét xử vắng mặt bà X, ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Lê Thị X, ông Phạm Mạnh H có địa chỉ tại Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại thị trấn K, huyện Đ. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng N, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 15 tháng 5 năm 1998, bà Lê Thị X ký Kế ước vay tiền số D98/98/KU vay Ngân hàng N (Chi nhánh huyện Đ) số tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 1,25%/tháng, hạn trả nợ ngày 20-5-2001 (được gia hạn đến ngày 20-3-2002). Lãi quá hạn bằng 1,5%. Mục đích vay để trồng mới cà phê.

Ngày 24 tháng 3 năm 2000, bà Lê Thị X, ông Phạm Mạnh H ký Hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng N (Chi nhánh huyện Đ) số tiền 25.000.000 đồng. Lãi suất 1%/tháng, hạn trả nợ ngày 20-3-2001 (được gia hạn đến 31-7-2001). Lãi quá hạn bằng 1,5%. Mục đích vay để đầu tư chăm sóc cà phê.

Như vậy, lãi suất thời điểm ký kết 15%/năm và 12%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mức lãi suất này không vi phạm trần lãi suất theo quy định. Đến hạn trả bà X, ông H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và lãi suất mặc dù đã được Ngân hàng gia hạn, thông báo, đôn đốc nhiều lần. Vì vậy, bà X, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về lãi suất:

Lãi suất của khoản vay ngày 15 tháng 5 năm 1998:

Lãi trong hạn (15%): Tính từ ngày 15-5-1998 đến ngày 20-3-2002 là 11.708.000đ.

Lãi quá hạn (22,5%): Tính từ ngày 21-3-2002 đến ngày xét xử sơ thẩm 14-11-2019 là: 80.587.500 đồng.

Lãi suất của khoản vay ngày 24 tháng 3 năm 2000:

Lãi trong hạn (12%): Tính từ ngày 24-3-2000 đến ngày 31-7-2001 là 4.116.000đ.

Từ ngày 01-8-2001 đến ngày 31-7-2004: Được miễn lãi theo quy định về các khoản vay trồng, chăm sóc cà phê.

Lãi quá hạn (18%): Tính từ ngày 01-8-2004 đến ngày xét xử sơ thẩm 14-11-2019 là: 69.787.500 đồng.

Tổng lãi của 02 khoản vay: 166.199.000 đồng.

Lãi đã trả: Bà X, ông H đã trả lãi của Kế ước vay tiền số D98/98/KU ngày 15 tháng 5 năm 1998 số tiền 1.925.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà X, ông H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tính đến ngày 14-11-2019 là 209.274.000đ (*Hai trăm lẻ chín triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*). Trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng và lãi suất là 164.274.000 đồng.

Do khoản vay là để trồng mới, chăm sóc cây cà phê, với mục đích phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, cần buộc bà Lê Thị X và ông Phạm Mạnh H cùng liên đới trả nợ cho Ngân hàng N.

[3]. Về xử lý tài sản đảm bảo: Tờ khai thế chấp tài sản vay vốn tại Ngân hàng N, do bà Lê Thị X và ông Phạm Mạnh H ký đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ (cũ) ngày 09-5-1998, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 24.000m^2, đất tọa lạc tại Thôn 1, xã K, huyện Đ (cũ); có Giấy xác nhận quyền sử dụng đất số 80/GXN-QSDĐ ngày 17-01-1997 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đứng tên bà Lê Thị X và Giấy ủy quyền xử lý tài sản thế chấp ngày 04-5-1998 của bà Lê Thị X. Như vậy việc thế chấp tài sản đảm bảo nội dung và hình thức theo quy định. Ngày 12-6-2019 Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn để xem xét, thẩm định tại chỗ, hiện trạng là đất trống, không có ai sử dụng. Kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thể hiện, thực tế đất bà Lê Thị X và ông Trần Mạnh Hà hiện nay tọa lạc tại Thôn 3, xã K, huyện Đ có diện tích là 12.562,2m^2.

Do bà X, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, trường hợp bà X, ông H không thực hiện hoặc không thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Tờ khai thế chấp tài sản vay vốn ngày 09-5-1998 và Giấy ủy quyền xử lý tài sản thế chấp ngày 04-5-1998 để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên bà Lê Thị X, ông Phạm Mạnh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 346, Điều 354, 359, 467 của Bộ luật Dân sự 1995; Điều 51, 52, khoản 2 Điều 54 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Lê Thị X, ông Phạm Mạnh H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là 209.274.000đ (*Hai trăm lẻ chín triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*). Trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng và lãi suất là 164.274.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị X, ông Phạm Mạnh H vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Kế ước vay tiền số D98/98/KU ngày 15 tháng 5 năm 1998 và Hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 3 năm 2000 (tính trên nợ gốc) cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bà X, ông H không thực hiện hoặc không thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Tờ khai thế chấp tài sản vay vốn ngày 09-5-1998 và Giấy ủy quyền xử lý tài sản thế chấp ngày 04-5-1998 để thu hồi nợ (theo hiện trạng thực tế - kết quả đo đạc kèm theo Bản án).

2. Về án phí:

Bà Lê Thị X, ông Phạm Mạnh H phải nộp 10.463.000đ (*Mười triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N (Chi nhánh huyện Đ) 5.100.000đ (*Năm triệu một trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000350 ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.